

SỞ Y TẾ TP CẦN THƠ
BV LAO & BỆNH PHỔI

Số: 891/BVLBP-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 7 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2024-2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi TP Cần Thơ. Địa chỉ: Khu vực Bình Hòa A, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Huỳnh Thanh Thắm, Trưởng Khoa Dược, điện thoại: 0909.065.782, email: khoaduoclaoct@gmail.com

DS. Nguyễn Hoài Bảo, điện thoại: 0983.707.555, email: khoaduoclaoct@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc gửi thư đến địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Lao và Bệnh phổi TP Cần Thơ. Địa chỉ: Khu vực Bình Hòa A, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

Nhận qua email: khoaduoclaoct@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 08 tháng 8 năm 2024 đến ngày 23 tháng 8 năm 2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế cần báo giá:

(Theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Mẫu báo giá:

(Theo Phụ lục 2 đính kèm)

Trân trọng cảm ơn Quý công ty và rất mong nhận được sự quan tâm của Quý công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Hứa Trung Tiếp

Phụ lục 1
DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ XIN BÁO GIÁ
(Đính kèm công văn số/BVLBP-KD ngày tháng 8 năm 2024
của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ)

I. HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ THEO MẶT HÀNG

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
1	Bơm tiêm 50ml có luer lock cho máy bơm tiêm điện		Cái	10.000
2	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ		Cái	85.000
3	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc, kim các cỡ		Cái	25.000
4	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ		Cái	20.000
5	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50ml/cc, loại cho ăn		Cái	2.500
6	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc, kim các cỡ		Cái	250.000
7	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Xuất xứ: G7	cái	250
8	Kim gây tê tủy sống các cỡ		Cái	350
9	Kim lancet lấy máu		Cái	5.000
10	Kim lấy thuốc 18G		Cái	140.000
11	Kim luồn tĩnh mạch 16G		Cái	40
12	Kim luồn tĩnh mạch 22G		Cái	30.000
13	Kim luồn tĩnh mạch 24G		Cái	20.000
14	Băng cuộn y tế 0,09x2m		Cuộn	3.000
15	Băng keo cá nhân 2cm x 6cm		Miếng	25.000
16	Băng keo lụa cuộn 2,5cm x 5m		Cuộn	7.000
17	Bông viên y tế		kg	100
18	Bông y tế thấm nước		kg	200
19	Cán dao mổ	Cán dao mổ số 3	Cái	20
20	Chỉ khâu phẫu thuật không tan, có kim	Chỉ phẫu thuật không tiêu, chỉ silk, 2/0, kim tam giác.	Tép	1.500
21	Găng tay khám, các số		Đôi	133.000
22	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số		Đôi	6.000
23	Lưỡi dao mổ các số		Cái	1.500
24	Săng mổ có lỗ 50 x 50cm		Cái	50
25	Săng mổ có lỗ 60 x 80cm		Cái	500
26	Bộ nhuộm Gram		Bộ	12
27	Chai cấy máu		Chai	100

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
28	Giemsa	Dung dịch gốc giemsa stock solution dùng trong bộ nhuộm giemsa stain kit. Đạt tiêu chuẩn ISO	ml	3.000
29	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn		Đĩa	5.000
30	Khoanh giấy Meropenem		Đĩa	400
31	Khoanh giấy Optochin		Đĩa	260
32	Khoanh giấy oxidase		Đĩa	300
33	Khoanh kháng sinh Ticarcillin 75µg/Clavulanic Acid 10µg		Đĩa	300
34	Kovac (cây VK thường)		lọ	100
35	Mac conkey agar		Đĩa	2.000
36	Máy đo độ đục chuẩn McFarland	Độ chính xác cao. Phạm vi đo từ 0,0 đến > 7,5 đơn vị McFarland	cái	1
37	Môi trường BHI	Môi trường lưu giữ chủng vi khuẩn	tuýp	150
38	Môi trường Bile Esculin Agar (BEA)	Môi trường thử nghiệm sử dụng để phân lập và phân biệt <i>Enterococci</i>	tuýp	200
39	Môi trường MSA(Mannitol Salt Agar)	Sử dụng để phân lập và phân biệt <i>Staphylococcus aureus</i>	tuýp	200
40	Môi trường NaCL 6.5%	Dùng để định danh liên cầu nhóm D	tuýp	200
41	Môi trường phân biệt Enterobacteriaceae dựa vào lên men đường, sinh hơi và khử lưu huỳnh (Kligler Iron Agar)		Ống	1.000
42	Môi trường phân lập các loài <i>Shigella</i> và <i>Salmonella</i> từ các mẫu bệnh phẩm (SS agar)		Đĩa	200
43	Môi trường phân lập và nuôi cấy các loài <i>Haemophilus</i> trong mẫu bệnh phẩm		Đĩa	200
44	Môi trường Simmons Citrate Agar		Ống	200
45	Môi trường thạch ống (M.I.U)		Ống	200
46	Môi trường thạch ống (Nitrate)		Ống	1.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
47	Môi trường Thạch ống (SIM)		Ống	200
48	Môi trường thử nghiệm phản ứng Methyl Red và Voges Prokauer		Ống	1.000
49	Môi trường Urea Agar Base		Ống	1.000
50	Mueller Hinton Agar		Đĩa	1.000
51	Novobiocin	Đĩa giấy tẩm 5µg novobiocin	đĩa	200
52	Test lên men đường nhanh	3 tuýp đường Glucose, Mantose, sucrose (định danh nhóm vi khuẩn Nesseria)	Bộ	20
53	Thạch chocolate		Đĩa	2.000
54	Thạch máu		Đĩa	3.000
55	Bộ kẹp tứ chi dùng cho máy đo điện tim		Bộ	5
56	Điện cực dán		Cái	2.000
57	Gel siêu âm		lít	30
58	Giấy điện tim 210x295mm, có đường kẻ		xấp	30
59	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m, có đường kẻ		cuộn	100
60	Giấy điện tim 6 cần, có đường kẻ		xấp	300
61	Giấy in nhiệt 57mm		cuộn	100
62	Giấy in nhiệt cho máy siêu âm	Giấy in nhiệt cho máy siêu âm SONY kích thước 110mm x 20m (hoặc tương đương).	cuộn	5
63	Hóa chất rửa phim X-quang		Bộ	5
64	Phim chụp X-Quang laser 25x30cm		tấm	20.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
65	Phim X-Quang khô 20x25cm (8x10 inch)	- Phim công nghệ in nhiệt trực tiếp thế hệ 2. Có thể thay phim dưới ánh sáng ban ngày. - Dùng cho các loại máy in DRYSTAR 5503, DRYSTAR 5500, DRYSTAR 5302, DRYSTAR 5300 và DRYSTAR AXYS hoặc tương đương.	Tấm	7.000
66	Phim X-Quang khô laser SD-Q 25 x 30cm (10 x 12 inch)		Tấm	20.000
67	Anti A + B monoclonal		ml	100
68	Anti A monoclonal		ml	100
69	Anti B monoclonal		ml	100
70	Anti D (IgG + IgM) monoclonal		ml	100
71	Dung dịch khử khuẩn chứa Didecyldimethyl ammonium chloride và Chlorhexidine digluconate		lít	170
72	Dung dịch khử khuẩn chứa Glutaraldehyde		lít	500
73	Airway các cỡ		Cái	1.000
74	Dây hút đàm nhớt có nắp, các số		sợi	6.000
75	Dây nối bơm tiêm điện		Cái	5.000
76	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn		sợi	3.000
77	Dây truyền dịch		sợi	125.000
78	Dây truyền máu		cái	1.000
79	Khóa 3 ngã có dây dài 25cm		Cái	5.000
80	Lọ lấy đàm kín (mucus extractor) đi kèm 2 dây, các cỡ		Cái	100
81	Lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp, lắp vào bộ cảm biến của máy đo chức năng hô hấp. Filter lọc khuẩn được thiết kế có đầu ngâm. Người đo chức năng hô hấp có thể ngâm trực tiếp để thở.	Cái	1.000
82	Mặt nạ thở oxy có túi, người lớn		Cái	2.000
83	Mặt nạ xông khí dung các cỡ		Cái	5.000
84	Ống dẫn lưu màng phổi		Cái	100

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
85	Ống đặt nội khí quản có bóng, các số		Cái	1.000
86	Ống giấy thở đo chức năng hô hấp		cái	3.000
87	Ống thông dạ dày có nắp, các số		Cái	1.500
88	Ống thông hậu môn các số		Cái	500
89	Ống thông tiểu 2 nhánh, các số		Cái	1.500
90	Túi đựng nước tiểu có dây treo		Cái	1.500
91	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn		Cái	20.000
92	Ống nghiệm Heparin		Cái	70.000
93	Ống nghiệm nhựa citrat		Cái	3.000
94	Ống nghiệm nhựa EDTA K2 2ml		Cái	30.000
95	Ống nghiệm nhựa PS 5ml có nắp, không nhãn		Cái	3.000
96	Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn		Cái	3.000
97	Ống nghiệm nhựa PS 7ml có nắp, không nhãn		Cái	3.000
98	Ống nghiệm nhựa Serum hạt nhỏ, nắp đỏ		Cái	4.000
99	Pipet nhựa 3ml (tiệt trùng)	Đóng gói tiệt trùng riêng từng cái	Cái	20.000
100	Tăm bông vô trùng lấy mẫu		Cái	3.000
101	Test nhanh chẩn đoán HCV (mẫu huyết thanh/huyết tương)		Test	1.500
102	Test nhanh HBsAg (mẫu huyết thanh/huyết tương)		Test	1.500
103	Bộ dây máy thở có bể nước, dùng cho người lớn		Bộ	1.500
104	Bộ dây thở dùng cho máy thở HFNC	Bộ dây thở oxy lưu lượng cao gồm dây thở có gia nhiệt, bình làm ẩm, cannula (size M, L)	Bộ	140

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
105	Bộ đo huyết áp xâm lấn (IBP) dùng 1 lần	Cảm biến áp lực đo huyết áp xâm lấn IBP dùng cho monitor theo dõi bệnh nhân. Sản phẩm tương thích với các dòng máy của phần lớn các hãng sản xuất Monitor trên thế giới. Đủ 1 nòng và 2 nòng	bộ	20
106	Bộ hút đàm kín 72 giờ	Bộ hút đàm kín sử dụng được 72 giờ	Bộ	200
107	Bộ phun khí dung co chữ T dùng cho máy thở	Kết nối với nguồn oxy từ bình hoặc hệ thống khí trung tâm, phun thuốc được	Bộ	200
108	Lọc khí dành cho chót hút đàm âm tường		Cái	200
109	Mặt nạ thở không xâm lấn, các cỡ	- Dùng cho máy thở 2 nhánh - Có rãnh luân ống thông dạ dày - Khoảng chết < 325cm ³ - Áp lực 4-25 cmH ₂ O - Chất liệu silicone	Cái	20
110	Ống nối dây máy thở		Cái	2.500
111	Ống thở mũi cho máy thở HFNC		Bộ	50
112	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng dùng cho máy thở		cái	2.000
113	Ampu giúp thở người lớn		Bộ	20
114	Bao đo huyết áp người lớn		cái	30
115	Bộ đặt nội khí quản 4 lưỡi, người lớn		Bộ	3
116	Bộ đèn bộ đặt nội khí quản có camera		Bộ	3
117	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ dụng cụ tiểu phẫu ≥ 8 món.	Bộ	15
118	Cân trọng lượng có thước đo chiều cao		Cái	3
119	Cây treo dịch truyền inox 304		Cái	50
120	Kim sinh thiết màng phổi	Xuất xứ: G7, châu Âu	Cái	2
121	Máy đo nồng độ bão hòa oxy kẹp tay	Máy đo SpO ₂ Xuất xứ: G7	Cái	10
122	Máy phun khí dung	Xuất xứ: G7	Cái	10
123	Nhiệt kế thủy ngân		Cái	50
124	Ống nghe	Xuất xứ: G7	cái	10
125	Xe lăn		Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
-----	--------------	------------------	-------------	--------------------

II. HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ THEO NHÓM

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
1. HÓA CHẤT THEO MÁY CÓ SẴN TẠI BỆNH VIỆN				
1.1. HÓA CHẤT KHÍ MÁU ĐỘNG MẠCH (TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY ESCHWEILER				
1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm khí máu -tHb (pH; PCO2; PO2; Total Hemoglobin)		bộ	18
2	Dung dịch rửa cho xét nghiệm khí máu -tHb (pH; PCO2; PO2; Total Hemoglobin)		test	2.880
1.2. XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC 24 THÔNG SỐ (TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY NIHON KOHDEN MEK-7300K)				
3	Dung dịch pha loãng	Xuất xứ: G7	ml	1.920.000
4	Dung dịch rửa máy huyết học 1	Xuất xứ: G7	ml	120.000
5	Dung dịch rửa máy huyết học 2	Xuất xứ: G7	ml	120.000
6	Dung dịch phá hồng cầu	Xuất xứ: G7	ml	12.000
7	Dung dịch ly giải hồng cầu	Xuất xứ: G7	ml	12.000
8	Hóa chất chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học		ml	54
1.3. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU BÁN TỰ ĐỘNG (TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY ANALYTICON COAGULYZER® 4)				
9	Hóa chất xét nghiệm APTT		ml	400
10	Hóa chất xét nghiệm PT		ml	400
11	Hóa chất xét nghiệm fibrinogen		ml	1.195
12	Cồng đo phản ứng		cái	1.000
13	Hóa chất hiệu chuẩn		ml	12
14	Hóa chất kiểm chuẩn mức abnormal		ml	12
15	Hóa chất kiểm chuẩn mức normal		ml	12
1.4. HÓA CHẤT MÁY ĐIỆN GIẢI ĐỒ (TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY E-LYTE PLUS)				
16	Điện cực Ca		cái	2
17	Điện cực Cl		cái	2
18	Điện cực PH		cái	2
19	Điện cực K		cái	2
20	Điện cực Na		cái	2
21	Điện cực tham chiếu		cái	2
22	Vật liệu kiểm soát chất lượng		hộp	5
23	Hóa chất hiệu chuẩn		hộp	10
24	Dung dịch làm đầy điện cực ISE		lọ	2
25	Dung dịch làm đầy điện cực tham chiếu		lọ	2
26	Dung dịch rửa (Activation)		chai	5
27	Dung dịch rửa protein		hộp	5

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
	1.5. XÉT NGHIỆM NUÔI CẤY, ĐỊNH DANH VÀ LÀM KHÁNG SINH ĐỒ VI KHUẨN LAO (TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY BD BACTEC MGIT 960)			
28	Ống chuẩn máy nuôi cấy và làm kháng sinh đồ vi khuẩn lao		ống	170
29	Kit Bactec Mgit 960 SIRE		hộp	20
30	Kit môi trường dinh dưỡng cho ống nuôi cấy vi khuẩn lao		ống	10.000
31	Ống môi trường nuôi cấy vi khuẩn lao 7mL		ống	15.000
32	Test nhanh phát hiện vi khuẩn lao		test	3.000
33	Kit drug PZA MGIT		hộp	3
34	Tube PZA medium 25 pak MGIT		Hộp	3
35	Dưỡng chất OADC nuôi cấy vi khuẩn lao		Hộp	10
36	Kit nhuộm huỳnh quang cho lao		Bộ	10
	1.6. HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM			
37	Hóa chất ngoại kiểm huyết học		hộp	8
38	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa		hộp	4
39	Hóa chất ngoại kiểm niệu		hộp	4
40	Hóa chất ngoại kiểm đông máu		hộp	4
41	Hóa chất ngoại kiểm khí máu		hộp	4
42	Hóa chất ngoại kiểm HbA1C		hộp	4
43	Hóa chất ngoại kiểm Viêm gan B, C		hộp	4
	2. HÓA CHẤT NHÀ THẦU LẮP ĐẶT MÁY SAU KHI TRÚNG THẦU			
	2.1. XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH			
44	Procalcitonin	Xuất xứ: G7	test	1.000
45	Troponin T	Xuất xứ: G7	test	1.000
	2.2. XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI ĐỒ 05 THÔNG SỐ			
46	Hóa chất điện giải 5 thông số	Xuất xứ: G7	ml	180.000
47	Hóa chất nội kiểm		ml	72
48	Giấy in kết quả (nếu có)		cuộn	24
49	Nước rửa (nếu có)		ml	1.000
	2.3. XÉT NGHIỆM HbA1C			
50	Test xét nghiệm HbA1C	Xuất xứ: G7	test	2.000
	2.4. XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG			
51	Xét nghiệm định lượng Albumin	Xuất xứ: G7	ml	4.320
52	Xét nghiệm định lượng ALT (SGPT)	Xuất xứ: G7	ml	21.600
53	Xét nghiệm định lượng AST (SGOT)	Xuất xứ: G7	ml	21.600
54	Xét nghiệm định lượng AMYLASE	Xuất xứ: G7	ml	1.080
55	Xét nghiệm định lượng Creatinine	Xuất xứ: G7	ml	21.600

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
56	Xét nghiệm định lượng Gamma-glutamyltransferase (GGT)	Xuất xứ: G7	ml	1.800
57	Xét nghiệm định lượng Glucose	Xuất xứ: G7	ml	36.000
58	Xét nghiệm định lượng Lactate dehydrogenase	Xuất xứ: G7	ml	1.500
59	Xét nghiệm định lượng Total Bilirubin	Xuất xứ: G7	ml	14.400
60	Xét nghiệm định lượng Direct Bilirubin	Xuất xứ: G7	ml	14.400
61	Xét nghiệm định lượng Cholesterol	Xuất xứ: G7	ml	1.200
62	Xét nghiệm định lượng Triglycerides	Xuất xứ: G7	ml	1.200
63	Xét nghiệm định lượng Total Protein	Xuất xứ: G7	ml	9.000
64	Xét nghiệm định lượng Acid uric	Xuất xứ: G7	ml	4.800
65	Xét nghiệm định lượng URE	Xuất xứ: G7	ml	21.500
66	Xét nghiệm định lượng L-Lactate	Xuất xứ: G7	ml	480
67	Xét nghiệm định lượng Magie	Xuất xứ: G7	ml	1.000
68	Xét nghiệm định lượng Protein CSF	Xuất xứ: G7	ml	1.000
69	Hóa chất xét nghiệm định lượng Lipase	Xuất xứ: G7	ml	300
70	Xét nghiệm Định lượng C-reactive protein	Xuất xứ: G7	ml	900
71	CRP control mức thấp	Xuất xứ: G7	hộp	72
72	CRP control mức cao	Xuất xứ: G7	hộp	72
73	Chất chuẩn CRP Calibrator	Xuất xứ: G7	ml	18
74	Xét nghiệm định lượng Adenosine Deaminase (ADA) dịch màng phổi	Xuất xứ: G7	ml	1.440
75	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm Adenosine Deaminase (ADA) dịch màng phổi	Xuất xứ: G7	ml	80
76	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Adenosine Deaminase (ADA) dịch màng phổi	Xuất xứ: G7	ml	6
77	Xét nghiệm HbA1C	Xuất xứ: G7	ml	2.880
78	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HbA1C	Xuất xứ: G7	ml	18
79	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1C	Xuất xứ: G7	ml	18
80	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Sinh hóa (mức 1)	Xuất xứ: G7	hộp	60
81	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Sinh hóa (mức 2)	Xuất xứ: G7	hộp	60
82	Dung dịch rửa cho thiết bị Xét nghiệm	Xuất xứ: G7	ml	54.000
83	Dung dịch rửa Acid cho thiết bị	Xuất xứ: G7	ml	18.000
84	Dung dịch rửa Alkaline cho thiết bị	Xuất xứ: G7	ml	54.000
85	Hóa chất chuẩn Multi Calibrator cho xét nghiệm Sinh hóa	Xuất xứ: G7	hộp	12
86	Sample cup		cái	3.000
87	Cuvet phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa		Cái	100

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
88	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa		Cái	7
	2.5. XÉT NGHIỆM ĐƯỜNG HUYẾT			
89	Que thử đường huyết		que	10.000
	2.6. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU TỰ ĐỘNG			
90	Xét nghiệm PT	Xuất xứ: G7	ml	1.200
91	Xét nghiệm APTT	Xuất xứ: G7	ml	576
92	Xét nghiệm FIB	Xuất xứ: G7	ml	576
93	Dung dịch calci	Xuất xứ: G7	ml	9.216
94	Hóa chất nội kiểm đông máu	Xuất xứ: G7	ml	480
95	Hóa chất D.Dimer	Xuất xứ: G7	ml	486
96	Buffer pha loãng	Xuất xứ: G7	ml	8.640
97	Nước rửa kim	Xuất xứ: G7	ml	8.640
98	Nước rửa máy	Xuất xứ: G7	ml	108.000
99	Cồng đo mẫu		giếng	3.000
100	Nội kiểm 2 mức nồng độ dùng cho xét nghiệm: PT, PTT, Fibrinogen	Xuất xứ: G7	ml	180
101	Xét nghiệm TT	Xuất xứ: G7	ml	864
	2.7. XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC LASER >=20 THÔNG SỐ, 5 THÀNH PHẦN BẠCH CẦU			
102	Dung dịch pha loãng	Xuất xứ: G7	ml	1.080.000
103	Dung dịch ly giải 1	Xuất xứ: G7	ml	90.000
104	Dung dịch ly giải 2	Xuất xứ: G7	ml	90.000
105	Dung dịch chuẩn (control)	Xuất xứ: G7	ml	72
106	Dung dịch rửa máy	Xuất xứ: G7	ml	1.000
	2.8. XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU			
107	Test thử nước tiểu 10 thông số		test	10.000

III. HÓA CHẤT, VẬT TƯ THÔNG THƯỜNG

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
1	Khẩu trang N95	Xuất xứ: G7	cái	3.000
2	Amikacin		lọ	18
3	Capreomycin		lọ	18
4	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Klebsiella pneumoniae subsp. Pneumoniae		hộp	5
5	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Neisseria meningitidis serogroup B		hộp	5
6	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Pseudomonas aeruginosa		hộp	5
7	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Staphylococcus aureus subsp. Aureus		hộp	5

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
8	Chủng vi khuẩn nội kiểm vi sinh Streptococcus pneumoniae		hộp	5
9	Dụng cụ đặt khoan giấy kháng sinh	Dụng cụ phân phối khoan giấy kháng sinh giúp phân phối chính xác khoan giấy kháng sinh lên các đĩa thạch với đường kính 90, 100mm bằng thao tác đơn giản, có thể thực hiện nhanh chóng bằng một tay.	cái	1
10	Dung dịch A-naphthol	Thử nghiệm VP	mL	1.000
11	Dung dịch KOH 40%	Thử nghiệm VP	mL	1.000
12	Dung dịch Methyl red	Thử nghiệm MR	mL	1.000
13	GenoType Mycobacterium AS VER 1.0		hộp	2
14	GenoType Mycobacterium CM VER 2.0		hộp	2
15	Hóa chất KHPO4		kg	3
16	Hóa chất Na2HPO4		kg	3
17	Hóa chất N-acetyl-L-cysteine		g	2.000
18	Hóa chất NaOH		kg	5
19	Kanamycin		lọ	18
20	Lam kính mờ	Lam kính thủy tinh chất lượng, có độ trong suốt cao, mài mờ, kích thước 26mm x 76mm	cái	40.000
21	Máy sấy lam kính		cái	1
22	Moxifloxacin		lọ	18
23	Nước cất 2 lần		lít	1.200
24	Ofloxacin		lọ	18
25	Phiến kính lamen 22mm x 22mm	Phiến kính lamen. Xuất xứ: G7	cái	1.000
26	Que cấy thẳng	Que cấy kim loại có đầu nhọn, có thể tháo ráp được	cái	5
27	Que cấy vòng	Que cấy kim loại có đầu vòng tròn, có thể tháo ráp được	cái	5
28	Băng keo chỉ thị nhiệt	Xuất xứ: G7	cuộn	30
29	Bình hủy kim 6,8 lít	Chất liệu: nhựa	cái	100
30	Chloramin B		kg	100
31	Chlorine 70		kg	400
32	Cồn 70 độ		lít	5.000
33	Cồn 90 độ		lít	900
34	Hóa chất formaldehyde (HCHO)		lít	10
35	Nước javel		lít	4.000

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
36	Test chỉ thị nhiệt cho đồ kim loại	Xuất xứ: G7	miếng	3.000
37	Test chỉ thị nhiệt cho đồ vải	Xuất xứ: G7	que	1.500
38	Viên khử khuẩn	Viên khử khuẩn chứa Sodium Dichloroisocyanurate (NADCC) 50% (2,5g trên viên 5g)	viên	5.000
39	Hộp phân liều thuốc 4 ngăn		cái	10.000
40	Bình định mức 1000mL	Bình định mức 1000mL (Bình định mức chính xác)	cái	1
41	Bình tam giác thủy tinh 2500mL	Bình tam giác thủy tinh 2500mL	cái	2
42	Buồng đếm Neubauer	Buồng đếm hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu	cái	1
43	Chai thủy tinh 500mL	Chai thủy tinh 500mL đựng hóa chất có nắp vặn, trong suốt, thành dày, chịu nhiệt độ hấp uốc 121 độ/30 phút	cái	5
44	Cốc đong nhựa 1000mL có quai cầm		cái	1
45	Đầu col vàng 0.5 - 200µl	Có khóa hoặc không khóa, không bám dính	cái	1.000
46	Đầu col xanh 500 - 1000µl	Có khóa hoặc không khóa, không bám dính	cái	1.000
47	Đèn cồn thủy tinh	đèn cồn thủy tinh 150mL	cái	2
48	Ống ly tâm đáy nhọn 15mL	Ống ly tâm đáy nhọn 15 mL, có chia vạch, loại nắp vặn	cái	2.000
49	Ống ly tâm đáy nhọn 50mL	Ống ly tâm đáy nhọn 50 mL, có chia vạch, loại nắp vặn	cái	20.000
50	Khí oxy y tế chai lớn	Chai 6m3	chai	100
51	Khí oxy y tế chai nhỏ	Chai 1,5m3	chai	300
52	Oxy lỏng	Oxy lỏng dùng trong y tế	kg	300.000
53	Bình dẫn lưu màng phổi có nắp và vòi	Dung tích >=1 lít. Chất liệu bình: Thủy tinh, xuất xứ bình: G7. Chất liệu nắp: nhựa. Chất liệu vòi: inox Có thể hấp ở nhiệt độ cao và tái sử dụng được.	cái	100
54	Bình làm ẩm máy tạo oxy		cái	20
55	Bộ đèn cực tím có hẹn giờ		bộ	3
56	Bóng đèn cực tím 1,2 mét		cái	20

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng (dự kiến)
57	Cáp đo huyết áp xâm nhập IBP	Dây cáp đo huyết áp xâm nhập IBP. Tương thích với các monitor thông dụng	cái	3
58	Cáp ECG dùng cho máy monitor		cái	10
59	Dây cảm biến đo SpO2		cái	20
60	Dây cáp máy điện tim 6 cần		cái	5
61	Dây cáp nối bao đo huyết áp		cái	20
62	Dây silicon trong suốt 3 x 5mm	Dây nối bình làm ẩm oxy	mét	100
63	Dây silicon trong suốt 8 x 12mm	Dây nối bình làm ẩm oxy	mét	200
64	Điện cực máy khí máu động mạch	Bộ gồm 4 cái điện cực: Ref, PCO2, PO2, PH	bộ	1
65	Đồng hồ và bình làm ẩm oxy âm tường loại 15L		cái	10
66	Đồng hồ và bình làm ẩm oxy loại 15L		cái	20
67	Hộp gòn inox 7,5cm		cái	20
68	Hộp thuốc cấp cứu	Hộp thuốc cấp cứu (hộp thuốc chống sốc) bằng nhựa, có ngăn để các loại thuốc phù hợp với danh mục thuốc cấp cứu của Bộ Y tế	cái	10
69	Hộp tiểu phẫu Inox	Hộp Inox kích thước xấp xỉ 23cm x 11cm x 5cm (dài x rộng x cao)	cái	20
70	Kéo thẳng dài 16cm	Chất liệu : Inox	cái	20
71	Khay hạt đậu 400ml		cái	20
72	Khay hạt đậu 800ml		cái	20
73	Khay inox chữ nhật (mâm tiem)		cái	20
74	Kìm kẹp kim dài 16cm	Chất liệu : Inox	cái	20
75	Nhíp cổ máu	Chất liệu : Inox	cái	20
76	Nhíp gấp mũi nhọn đầu cong	Inox không rỉ	cái	2
77	Pen cong dài 16cm	Chất liệu : Inox	cái	20
78	Pen thẳng dài 16cm	Chất liệu : Inox	cái	20
79	Trụ cắm panh	Ống Cắm Panh, Kẹp	cái	20

Phụ lục 2
Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi TP Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi TP Cần Thơ, *[Tên công ty, địa chỉ]* báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã hàng hóa, ký hiệu, model	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Phân loại TTBYT (ABCD)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Giá kê khai (nếu có)	Đơn giá
1											
2											
3											
...											

(Đơn giá đã bao gồm thuế, phí và các dịch vụ liên quan).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày.

3. Chúng tôi cam kết:

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)